TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**COÄNG HOØA XAÕ HOÄI CHUÛ NGHÓA VIEÄT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày: 17-03-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Giang.

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 599/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Bích T, sinh năm 1966 (Có mặt).
Địa chỉ: ẤpĐ, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:*
1. Bà Nguyễn Thị Cẩm T (Nguyễn Thị T) (Xin vắng mặt).
2. Ông Trần Văn T (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp VĐ, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Bích T trình bày:

Vào ngày 15/01/2020 âm lịch (AL), bà Nguyễn Thị T có vay của bà Lê Bích T số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay tiền bà T có ký tên biên nhận nợ. Từ khi vay đến nay, bà Nguyễn Thị T không trả tiền gốc và lãi cho bà mặc dù bà đã liên hệ đòi nhiều lần.

Bà Nguyễn Thị T vay tiền về để sử dụng chung trong sinh hoạt gia đình nên, tại thời điểm vay tiền bà T và ông Trần Văn T vẫn còn là vợ chồng nên bà Lê Bích T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 90.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định

pháp luật là 20%/năm kể từ ngày 15/01/2020 âm lịch đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

- Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/12/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị T có văn bản trình bày: Bà T thừa nhận ngày 15/01/2020 AL, vợ chồng bà có vay của bà Lê Bích T số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/01 tháng, thời gian vay 12 tháng, khi vay tiền bà T có ký tên vào biên nhận nợ. Bà T cho rằng, tại thời điểm vay tiền gia đình bà gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bà cùng thống nhất vay tiền của bà Lê Bích T về để sử dụng chung trong sinh hoạt gia đình. Khi đến thời hạn trả tiền, bà T có đòi vợ chồng bà số tiền nêu trên nhiều lần nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập nên vợ chồng bà không có trả vốn và lãi cho bà T. Nay bà thống nhất trả cho bà Lê Bích T tiền vốn vay còn nợ 90.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến ngày tòa án giải quyết xong vụ án. Do đi làm ăn xa nên bà Nguyễn Cẩm T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của bà Lê Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Bà Lê Bích T khởi kiện bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T yêu cầu trả tiền nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bà T, ông T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T. Ông Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn T.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa bà Lê Bích T với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Bà Lê Bích T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T trả cho bà T số tiền nợ là 90.000.000 đồng và lãi suất từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, bà T có cung cấp cho Tòa giấy biên nhận nợ ngày

15/01/2020 bà Nguyễn Thị Cẩm T (Nguyễn Cẩm T) có ký tên vào biên nhận nợ. Nội dung biên nhận, bà T có vay của bà T số tiền 90.000.000 đồng. Đối với bà Nguyễn Thị T, ngày 27/12/2022 có đơn trình bày ý kiến với nội dung bà T thừa nhận vào ngày 15/01/2020 AL bà có vay tiền của bà T 90.000.000 đồng, khi vay bà có ký tên biên nhận nợ, bà đồng ý trả khoản nợ trên cho bà Lê Bích T. Đối với ông Trần Văn T Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không có ý kiến gì về việc yêu cầu của bà T và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của bà T nên ông T tự chịu hậu quả của việc không cung cấp lời khai, chứng cứ đó. Do đó, yêu cầu của bà Lê Bích T buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T trả cho bà tiền vốn vay còn nợ là 90.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu tính lãi suất: Tại biên nhận ngày 15/01/2020 AL, có quy định lãi suất là 3%/tháng, thời hạn thanh toán là 12 tháng. Bà T cho rằng từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bà T, ông T không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Như vậy, bà T đã vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 15/01/2020AL nhằm ngày 08/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/03/2023 là 03 năm 01 tháng 09 ngày là có căn cứ nên được chấp nhận. Về lãi suất, tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T trả lãi 20%/năm. Xét thấy, lãi suất bà T yêu cầu là không vượt mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi của khoản vay 90.000.000 đồng từ ngày 08/02/2020 đến ngày 17/3/2023 là 55.943.836 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 145.943.836 đồng.

[2.3]. Bà Lê Bích T yêu cầu bà Nguyễn Thị T cùng với ông Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cho bà. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm vay nợ, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T vẫn còn là vợ chồng, tại bản tự khai ngày 27/12/2022 bà T cho rằng bà vay tiền của bà T về để sử dụng chung sinh hoạt trong gia đình nên cần buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T. Do đó, yêu cầu của bà Lê Bích T buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 145.943.836 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà Lê Bích T nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bích T. Buộc bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Cẩm T) và ông Trần Văn T cùng liên đới trả cho bà Lê Bích T số tiền 145.943.836 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 90.000.000 đồng, nợ lãi 55.943.836 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.297.192 đồng.

- Bà Lê Bích T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018416 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân bà Lê Bích T được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.297.192 đồng (Bảy triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi hai đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình